

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/DSST

Ngày: 03-7-2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-DS, ngày 17-10-2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2023/QĐXXST-DS, ngày 09-6-2023; giữa:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp CTr, xã PhC, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1976 và ông Thạch Kh, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch Thị S trình bày:

Ngày 22/12/2019, bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh có tổ chức khai rất nhiều dây hui, bà chỉ tham gia các dây hui số 04, 06, 08, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25, hình thức tham gia góp hui được thỏa thuận như sau: Loại hui 3.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hui có giao danh sách hui viên cho bà (danh sách tên Phương Th), có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hót, nửa tháng khai 01 lần, sau khi hót hui chủ hui có trách nhiệm gom tiền của hui viên rồi giao cho người trúng thăm hót hui, hui đã khai đến lần thứ 10, nay bà xác định các dây hui trên bà đóng hui sống đến lần khai thứ 09, cụ thể:

Dây số 04: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hui sống bằng 9.230.000 đồng.

Dây số 06: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.660.000 đồng.

Dây số 08: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.960.000 đồng.

Dây số 10: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.940.000 đồng.

Dây số 11: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 9.090.000 đồng.

Dây số 12: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.540.000 đồng.

Dây số 13: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.510.000 đồng.

Dây số 15: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.660.000 đồng.

Dây số 17: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.790.000 đồng.

Dây số 18: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.670.000 đồng.

Dây số 19: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.660.000 đồng.

Dây số 20: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.760.000 đồng.

Dây số 21: Bà S tham gia 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 8.650.000 đồng.

Dây số 22: Bà S tham gia 02 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 17.340.000 đồng.

Dây số 25: Bà S tham gia 02 phần (đã hót 01 phần) còn lại 01 phần và đóng được 09 lần hội sống bằng 9.150.000 đồng. Còn 01 phần hội chết bà cũng đóng hội đến lần khai thứ 09, bà đồng ý trả lại 06 lần hội đã nhận, do bà S, ông Kh không có yêu cầu để bà giải quyết sau.

Nay Bà S yêu cầu bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh trả cho bà 09 lần hội sống đã đóng bằng 140.610.000 đồng (Loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 22/12/2019, dây hội số 04, 06, 08, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/6/2020 đến ngày giải quyết xong.

Bà Thạch Thị S có đơn xin vắng mặt.

Đối với bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà S và ông Kh không đến Tòa án tham gia tố tụng. Riêng bà Son có đến Tòa án trình bày: Tiền hội Bà S khởi kiện không liên quan đến ông Thạch Kh, trước đây Bà S có khởi kiện bà ở Tòa án, bà có lên giải quyết nhưng Bà S không đồng ý mà đem đơn qua

nộp ở Công an, nay Bà S khởi kiện yêu cầu tính lãi bà không đồng ý trả rồi bà Son tự ý bỏ ra về, do bà S và ông Kh không có ý kiến trình bày phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn đối với mình. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: Danh sách hội viên, loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 22/12/2019 (photo); chứng minh nhân dân tên Sang và sổ hộ khẩu (photo); Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị S.

2. Buộc bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh cùng có trách nhiệm trả cho bà Thạch Thị S 09 lần hội sống đã đóng tổng cộng bằng 183.869.135 đồng (trong đó tiền vốn bằng 140.610.000 đồng, tiền lãi bằng 43.259.135 đồng, loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 22/12/2019, đây hội số 04, 06, 08, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25).

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Bà Thạch Thị S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh trong quá trình giải quyết đều vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Thạch Thị S yêu cầu bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh trả cho bà 09 lần hội sống đã đóng bằng 140.610.000 đồng, loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 22/12/2019, Bà S yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/6/2020 đến ngày xét xử.

[3] Đối với bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với Bà S, nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà Bà S nộp

khởi kiện để ông, bà có ý kiến trình bày phản bác về nội dung Bà S khởi kiện ông bà. Quá trình giải quyết bà Son có đến Tòa án trình bày: Tiền hội Bà S khởi kiện không liên quan đến ông Thạch Kh, trước đây Bà S có khởi kiện bà ở Tòa án, bà có lên giải quyết nhưng Bà S không đồng ý mà đem đơn qua nộp ở Công an, nay Bà S khởi kiện yêu cầu tính lãi bà không đồng ý trả, bà Son tự ý bỏ ra về. Tòa án có xác minh hội viên có ý kiến 22/12/2019, bà S và ông Kh có tổ chức khai các dây hội trên loại hội 3.000.000 đồng, hội đã khai đến lần thứ 10, có hội viên bà Thạch Thị S (Phương Phom) cùng tham gia và các dây hội chủ hội không duy trì đến mãn hội, do bà S và ông Kh không có ý kiến trình bày để phản bác về nội dung khởi kiện của nguyên đơn đối với mình, nên được coi là mặc nhiên thừa nhận.

[4] *Về yêu cầu tính lãi:* Bà S yêu cầu bà S và ông Kh trả tiền lãi trên số tiền gốc 100.435.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nguyên đơn khởi kiện phát sinh từ việc tham gia góp hội và việc tham gia góp hội giữa chủ hội với hội viên là trên cơ sở tự nguyện và là hội có lãi theo hình thức hưởng huê hồng, được quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phường, là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] *Về ngày yêu cầu tính lãi:* Bà S yêu cầu tính lãi từ ngày 01/6/2020 cho đến ngày xét xử, theo danh sách hội viên ngày mở hội là ngày 22/12/2019, nửa tháng khai 01 lần (án định ngày khai là ngày 12 và ngày 22 hàng tháng), ở lần khai hội thứ 01 là ngày 22/12/2019, hội đã khai đến lần thứ 09 là ngày 22/4/2020, cho nên ngày Bà S yêu cầu tính lãi là phù hợp nên được chấp nhận. Như vậy bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lại tiền hội sống đã đóng cho nguyên đơn thì phải trả lãi trên số tiền vốn và được tính lãi từ ngày 01/6/2020 cho đến ngày xét xử ngày 03/7/2023 là 37 tháng 02 ngày, cụ thể: 140.610.000 đồng x 37 tháng 02 ngày x 0,83%/tháng bằng 43.259.135 đồng.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bị đơn bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Thạch Thị S không phải chịu án phí.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 91, 92, 147, 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị S.

2. Buộc bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh cùng có trách nhiệm trả cho bà Thạch Thị S 09 lần hội sống đã đóng tổng cộng bằng 183.869.135 đồng (trong đó tiền vốn bằng 140.610.000 đồng, tiền lãi bằng 43.259.135 đồng, loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 22/12/2019, đây hội số 04, 06, 08, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 25).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Thạch Thị S và ông Thạch Kh phải chịu 9.193.456 đồng án phí.

Bà Thạch Thị S không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 3.845.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0011629 ngày 17-10-2022 và số tiền 2.307.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014337 ngày 25-11-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Thạch Thị S.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm